

BẢNG MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO RÚT GỌN
(Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-ĐHM ngày 30 tháng 3 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
Issued together with Decision No 620/QĐ-ĐHM dated 30 month 3 year 2026)
by the Rector of Ho Chi Minh City Open University)

I. Thông tin tổng quát-General information

1. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Việt/Major in Vietnamese: **Luật Kinh tế**
2. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh/Major in English: Business Law
3. Mã ngành/Major Code: 7380107
4. Trình độ đào tạo/Level of training: Đại học-Undergraduate
5. Hình thức đào tạo/Mode of training: Chính quy-Full time
6. Thời gian đào tạo /Duration of training:
 - Thời gian đào tạo chuẩn: 11 học kỳ
 - Thời gian học tập tối thiểu: 09 học kỳ
 - Thời gian học tập tối đa: 22 học kỳ*(Chương trình đào tạo được tổ chức 3 học kỳ/năm học)*
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ)/Total credits: 134 tín chỉ
8. Văn bằng tốt nghiệp/Name of degree: Cử nhân
9. Ngôn ngữ đào tạo/Language(s) of instruction: Tiếng Việt

II. Mục tiêu đào tạo/Programme Objectives

1. Mục tiêu chung (General objectives)

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật, có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể (Specific objectives)

Handwritten signature

Mục tiêu cụ thể/ Specific objectives	Mô tả /Description
Kiến thức/Knowledge	
PO.1	Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, lịch sử, văn hoá, truyền thống dân tộc và con người để phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
PO.2	Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc ngành Luật Kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
Kỹ năng/Skills	
PO.3	Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc ngành Luật Kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PO.4	Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm, có tinh thần đổi mới, sáng tạo, thích nghi với điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật Kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.
PO.5	Xây dựng ý thức chính trị, tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

III. Chuẩn đầu ra - Programme learning outcomes (PLOs)

Chuẩn đầu ra/PLO Code	Mô tả/Description
Kiến thức/Knowledge	
PLO1	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, lịch sử, văn hoá, truyền thống dân tộc để làm nền tảng phát triển tư duy phản biện
PLO2	Hiểu được các vấn đề xã hội dựa trên tư tưởng chính trị trong các hoạt động học tập và thực hành
PLO3	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành luật nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn nền tảng của ngành Luật kinh tế
PLO4	Áp dụng kiến thức cốt lõi ngành luật để giải quyết vấn đề thực tiễn ở các nhóm lĩnh vực: luật hành chính; luật dân sự; luật kinh tế; luật hình sự; luật quốc tế
PLO5	Áp dụng các kiến thức cốt lõi ngành Luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn theo định hướng của người học
Kỹ năng/Skills	
PLO6	Kỹ năng giao tiếp, tương tác thân thiện, hiệu quả bằng lời nói hoặc bằng văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; biết soạn thảo các văn bản pháp lý



Chuẩn đầu ra/PLO Code	Mô tả/Description
PLO7	Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, phân biện, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý
PLO8	Năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
PLO9	Có khả năng ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PLO10	Có khả năng làm việc và chịu trách nhiệm cá nhân hoặc theo nhóm; hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; sáng tạo; thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi.
PLO 11	Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ Nhân dân và cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; trung thực, liêm chính, cần trọng, cầu thị, thấu hiểu, có đạo đức nghề luật.

IV. Nội dung chương trình/Programme contents

1. Cấu trúc chương trình - Curriculum structure

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
1.	Thành phần giáo dục đại cương	38	32	6	28,36%
1.1.	Lý luận chính trị	11	11	0	
1.2.	Kiến thức kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn	6	3	3	
1.3.	Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên	6	3	3	
1.4.	Ngoại ngữ	15	15	0	
2.	Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành	89	73	16	66,42%
2.1.	Thành phần cơ sở ngành	26	26	0	
2.2.	Thành phần cốt lõi ngành	63	47	16	
3.	Thành phần thực tập và trải nghiệm	7	7	0	5,22%

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
3.1.	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế	3	3	0	
3.2.	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	4	4	0	
Tổng cộng		134	112	22	100%

2. Nội dung chương trình-Programme contents

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
1. Thành phần giáo dục đại cương			38		
1.1	Lý luận chính trị		11		
1	Triết học Mác - Lênin Marxist - Leninist philosophy	POLI03010	3	Thuyết giảng, nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận, thuyết trình nhóm.	A1.1. Thái độ học tập; A1.2. Thuyết trình nhóm; A1.3. Bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp; A2.1. Bài thi kết thúc môn học
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist Political Economics	POLI02010	2	Giảng bài và kết hợp trình chiếu các slides bài giảng. Hướng dẫn, giao bài tập và đề tài theo nhóm. Tổ chức thuyết trình và thảo luận nhóm. Giải đáp những thắc mắc liên quan đến bài học mà sinh viên nêu ra.	A1.1.1. Thái độ học tập A1.2. Thuyết trình nhóm A1.3. Bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp: Trắc nghiệm A2.1. Bài thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm trên máy tính"
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI02020	2	Thuyết giảng, nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận, thuyết trình nhóm.	A1.1. Thái độ học tập; A1.2. Thuyết trình nhóm; A1.3. Bài kiểm tra

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					giữa kỳ tại lớp; A2.1. Bài thi kết thúc môn học
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI02030	2	Thuyết giảng, trình chiếu, thảo luận nhóm, thuyết trình	A1.1. Thái độ học tập A1.2. Thuyết trình nhóm A1.3. Bài kiểm tra giữa kỳ tại lớp A2.1. Bài thi kết thúc môn học
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI02040	2	Giảng viên thuyết giảng, nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận, thuyết trình nhóm. Dạy và học trực tiếp tại lớp	Bài đánh giá quá trình: - Chuyên cần - Thuyết trình/thảo luận nhóm - Giữa kỳ: Hình thức trắc nghiệm 40 câu hỏi, 60 phút. Được dùng tài liệu - Bảo tàng Bài đánh giá cuối kỳ: - Trắc nghiệm: 40 câu hỏi. - Thời gian 60 phút. Được dùng tài liệu
1.2	Kiến thức kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn		6		
	Bắt buộc		3		
6	Kinh tế học đại cương Introduction to Economics	ECON03320	3	Giảng viên thuyết giảng, thảo luận nhóm, bài tập	A.1.1: Chuyên cần, thái độ học tập. Mức độ tích cực tham gia phát biểu, phản biện tại lớp A.1.2: Bài tập nhóm A.1.3: Bài kiểm tra giữa kỳ: trắc nghiệm A.2.1: Bài thi trắc nghiệm
	Tự chọn Chọn 01 trong các môn học sau:		3		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
7	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	SOCI03020	3	GV thuyết giảng lý thuyết SV thảo luận nhóm	Quá trình: Chuyên cần, thảo luận nhóm Giữa kỳ: Thuyết trình nhóm Cuối kỳ: Thi trắc nghiệm + Tự luận (Ngân hàng đề thi)
8	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	PSYC03010	3	Thuyết giảng, thuyết trình nhóm, bài tập nhóm, đóng vai	Quá trình: Bài kiểm tra cá nhân/Bài thu hoạch cá nhân sau khi tham quan thực tế Giữa kỳ: Bài tập nhóm/đóng vai/thuyết trình Cuối kỳ: Trắc nghiệm + Tự luận
9	Đại cương văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese Culture	SOAS03010	3	GV thuyết giảng SV xem phim và làm bài tập theo nhóm Thuyết trình nhóm; Bài tập trên LMS	Quá trình: Bài tập cá nhân và Bài tập nhóm Giữa kỳ: Thuyết trình nhóm Cuối kỳ: Trắc nghiệm (Ngân hàng đề thi)
1.3	Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên		6		
	Bắt buộc		3		
10	Tin học văn phòng nâng cao Advanced Office Informatics	ADOI03010	3	Thuyết trình, minh họa trực tiếp tại lớp và trên lớp học ảo (Google Meet), kết hợp với việc sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS) để cung cấp bài giảng video, tài liệu học tập và thảo luận.	Bài đánh giá A1.1: Chuyên cần Hình thức: Điểm danh bằng công cụ Attendance trên LMS hoặc đánh dấu có mặt trong Danh sách Điểm danh. Bài đánh giá A1.2: Bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ Hình thức: Trắc nghiệm tại lớp. Bài đánh giá A1.3:



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					Thảo luận trên LMS Hình thức: Thảo luận trên LMS. Bài đánh giá A2: Bài kiểm tra thực hành trên máy tính Hình thức: Thực hành trên máy tính.
	Tự chọn Chọn 01 trong các môn học sau:		3		
11	Tư duy phản biện Critical thinking	GLAW03010	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Đóng vai Làm việc nhóm Tranh biện Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài báo cáo nhóm. - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS. Cuối kỳ: Bài báo cáo nhóm - thuyết trình nhóm.
12	Thống kê xã hội Statistics in Social Sciences	SOCI03010	3	GV thuyết giảng, nêu vấn đề SV khảo sát và trình bày khảo sát (theo nhóm) SV thực hiện các bài tập rèn luyện	Quá trình: Chuyên cần gồm tham gia diễn đàn, bài tập cá nhân trên LMS Giữa kỳ: Bài tập nhóm Cuối kỳ: Thi tự luận theo ngân hàng đề
13	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	ACCO03010	3	GV diễn giảng, SV thảo luận nhóm và thuyết trình, SV giải quyết tình huống lý thuyết và thực tế.	Quá trình: Thảo luận và Bài tập thực hành; Giữa kỳ: Bài tự luận; Cuối kỳ: Bài trắc nghiệm
1.4	Ngoại ngữ		15		
14	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GEEN03060	3	Giảng viên diễn giảng, sinh viên thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, giảng viên gợi ý, cho nhận xét, và hỗ	Đánh giá quá trình: A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				trợ sinh viên khi cần thiết	A.1.3 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.1.4 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) Đánh giá cuối kỳ: A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.2.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
15	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GEEN03070	3	Giảng viên diễn giảng, sinh viên thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, giảng viên gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá quá trình: A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.1.3 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.1.4 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) Đánh giá cuối kỳ: A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.2.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
16	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GEEN03080	3	Giảng viên diễn giảng, sinh viên thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, giảng viên gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá quá trình: A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.1.3 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.1.4 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) Đánh giá cuối kỳ:

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.2.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
17	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GEEN03090	3	Giảng viên diễn giảng, sinh viên thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, giảng viên gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá quá trình: A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.1.3 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.1.4 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) Đánh giá cuối kỳ: A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.2.3 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
18	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GEEN03100	3	Giảng viên diễn giảng, sinh viên thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình, giảng viên gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá quá trình: A.1.1 Tham gia hoạt động nghe nói trong lớp (GVNN) A.1.2 Thực hành trên SPARK A.1.3 Bài kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN) A.1.4 Bài kiểm tra kỹ năng Viết (GVVN) Đánh giá cuối kỳ: A.2.1 Bài kiểm tra kỹ năng Đọc A.2.2 Bài kiểm tra kỹ năng Nghe A.2.3 Bài kiểm tra kỹ năng Nói

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					A.2.4 Bài kiểm tra kỹ năng Viết
2. Thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành			89		
2.1	Thành phần cơ sở ngành		26		
	Bắt buộc		26		
19	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	GLAW03020	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS/ Thuyết trình nhóm. - Thảo luận/ kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
20	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý History of State, Law and Political - Legal Doctrines	GLAW03250	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài tập theo nhóm, bài kiểm tra cá nhân. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
21	Nghề luật và đạo đức nghề luật Legal profession and Ethics	GLAW02190	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Thảo luận trên LMS/ tại lớp. - Bài kiểm tra giữa kỳ/ Thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
22	Lập luận và viết pháp lý Legal Reasoning and Writing	GLAW03040	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài tập nhóm. - Bài kiểm tra trực tuyến trên LMS (trắc nghiệm/ thảo luận diễn đàn). Cuối kỳ: Bài báo cáo nhóm - thuyết trình nhóm.
23	Luật hiến pháp Constitutional Law	GLAW03050	3	Thuyết giảng Bài tập	Quá trình: - Chuyên cần.

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chi/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				Thuyết trình Thảo luận	- Hoạt động LMS/ Thuyết trình nhóm. - Thảo luận tại lớp/ Làm bài kiểm tra. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
24	Luật hình sự Criminal Law	GLAW03100	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Hoạt động LMS. - Bài tập nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
25	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế General provisions on Civil law, Property and Succession	GLAW03110	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài tập nhóm. - Bài tập cá nhân. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
26	Công pháp quốc tế Public International Law	GLAW03170	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Thuyết trình - phân biện nhóm. - Bài kiểm tra cá nhân trên LMS (tự luận/ trắc nghiệm). Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
27	Pháp luật về các loại hình thương nhân Law on Business Organisations	BULA03030	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận.
2.2	Thành phần cốt lõi ngành		63		
	Bắt buộc		47		
a.	Kiến thức về hiến pháp và pháp luật hành chính		15		



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
28	Lý luận và pháp luật về quyền con người Theories and law on Human Rights	GLAW02200	2	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Đóng vai Làm việc nhóm Tranh biện Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn/ bài tập LMS - Bài tập tình huống theo nhóm/ Bài tập cá nhân Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
29	Luật hành chính Administrative Law	GLAW03070	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Thuyết trình - phản biện nhóm. - Bài kiểm tra cá nhân trên LMS. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
30	Luật tổ tụng hành chính Administrative Procedure Law	GLAW02030	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài tập cá nhân trên LMS. - Bài tập nhóm. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
31	Luật ngân sách nhà nước State Budget Law	GLAW02040	2	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận.
32	Luật đất đai Land Law	GLAW03080	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận..



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
33	Kỹ năng soạn thảo văn bản Drafting Legal Documents	GLAW03090	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
b.	Kiến thức về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự		4		
34	Luật tố tụng hình sự Criminal Procedure Law	GLAW02050	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Hoạt động LMS. - Bài tập nhóm. - Kiểm tra quá trình. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
35	Tội phạm học Criminology	GLAW02060	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Hoạt động LMS. - Thuyết trình/ kiểm tra tự luận. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
c.	Kiến thức về pháp luật dân sự, tố tụng dân sự		11		
36	Nghĩa vụ và hợp đồng Obligations and contracts	GLAW03120	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Đóng vai Làm việc nhóm Tranh biện Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài tập LMS - Thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
37	Luật tố tụng dân sự Civil Procedure Law	GLAW03130	3	Thuyết giảng Bài tập Tình huống Đóng vai Làm việc nhóm Tranh biện Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Thuyết trình - phân biện nhóm. - Bài kiểm tra cá nhân trên LMS (tự luận/ trắc nghiệm).



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
38	Luật lao động Labour Law	GLAW03140	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài báo cáo/ bài tập nhóm. - Bài kiểm tra cá nhân. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
39	Luật hôn nhân và gia đình Marriage and Family Law	GLAW02070	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài tập trên LMS. - Bài tập nhóm. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
d.	Kiến thức về pháp luật kinh tế		9		
40	Pháp luật về hoạt động thương mại Law on Business Activities	BULA03040	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
41	Phá sản và giải quyết tranh chấp Law on Bankruptcy and Dispute Settlement	BULA02010	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
42	Luật sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property	BULA03050	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài tập trên LMS. - Bài tập giữa kỳ trên LMS. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
43	Luật thuế Tax Law	BULA03060	3	Thuyết giảng Thuyết trình	Quá trình: - Chuyên cần.

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
				Thảo luận	- Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
e.	Kiến thức về pháp luật quốc tế		6		
44	Tư pháp quốc tế Private International Law	GLAW03180	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
45	Luật thương mại quốc tế International Commercial Law	BULA03070	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
	Tự chọn Chọn đủ 03 nhóm kiến thức như sau:		16		
a.	Kiến thức cốt lõi ngành Chọn 08 tín chỉ trong các môn học sau:		8		
46	Luật môi trường Environmental Law	GLAW02090	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
47	Luật Thi hành án dân sự Law on Enforcement of Civil Judgments	GLAW02130	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chi/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
48	Pháp luật về giao dịch bảo đảm Law on Secured Transactions	BULA02030	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
49	Luật ngân hàng Banking Law	BULA02020	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
50	Luật đầu tư Investment Law	BULA02040	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
51	Luật Cạnh tranh Competition Law	BULA02050	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
52	Luật kinh doanh bảo hiểm Law on Insurance Business	BULA02060	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
53	Luật kinh doanh bất động sản Law on Real Estate Business	BULA02070	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm.



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					- Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
54	Pháp luật về xuất nhập khẩu Import & Export Law	BULA02090	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
55	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Law on Securities and Stock	BULA02080	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
56	Luật Thương mại điện tử Law on E-commerce	BULA02100	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
57	Luật học so sánh Comparative Law	GLAW02210	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
b.	Các môn kỹ năng <i>Chọn 01 trong các môn học sau:</i>		2		
58	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng Contract Drafting Skills	GLAW02160	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ.



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
					Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
59	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh English Legal Terms	BULA02110	2	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Diễn đàn LMS. - Thuyết trình nhóm. - Bài kiểm tra giữa kỳ. Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận.
c.	Khóa luận tốt nghiệp/ BA thesis hoặc kiến thức thay thế Khóa luận tốt nghiệp		6		
60	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế BA Thesis (Business Law)	BULA06010	6	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: Thái độ. Cuối kỳ: Khóa luận.
	<i>Hoặc kiến thức thay thế Khóa luận tốt nghiệp, bao gồm 02 môn học như sau:</i>				
61	Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật kinh tế Legal Consulting Skills (Business Law)	BULA03080	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài báo cáo/ bài tập nhóm. - Bài kiểm tra cá nhân. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
62	Phân tích án ngành Luật kinh tế Case Analysis (Business Law)	BULA03110	3	Thuyết giảng Thuyết trình Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Bài báo cáo/ bài tập nhóm. - Bài kiểm tra cá nhân. Cuối kỳ: Bài kiểm tra tự luận.
3	Thành phần thực tập, trải nghiệm		7		
63	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế Practice Training (Business Law)	BULA03120	3	Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Đánh giá của đơn vị. Cuối kỳ: Báo cáo.

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Number of credits	Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
64	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế Internship (Business Law)	BULA04010	4	Thảo luận	Quá trình: - Chuyên cần. - Đánh giá của đơn vị. Cuối kỳ: Báo cáo.
Tổng cộng:			134		

3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ môn học, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc và tự chọn khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;
- Đáp ứng các điều kiện chuẩn đầu ra theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

a) Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with thesis

Sinh viên được đăng ký để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ các điều kiện sau:

- Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3.0 trở lên của các môn học tương ứng (trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp và áp dụng theo thang điểm 4);
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;
- Điểm Thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3,5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

b) Tốt nghiệp với các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with alternative course

Sinh viên không thực hiện Khóa luận tốt nghiệp sẽ học kiến thức thay thế Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ), bao gồm hai môn học sau:



- Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 1: Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế (Mã môn học: BULA03080, 03 tín chỉ);
- Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 2: Phân tích án ngành Luật Kinh tế (Mã môn học: BULA03110, 03 tín chỉ).

4. Mô tả môn học/Course overview

Môn học/Course Name: **Triết học Mác – Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI03010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Triết học Mác – Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Môn học Triết học Mác – Lênin bao gồm 3 chương. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Ý nghĩa – phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác – Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của người.

Môn học/Course Name: **Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI02010

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh tế Chính trị Mác – Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin trang bị cho sinh viên nội dung cốt lõi của các vấn đề cụ thể như sau: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ



kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường; qua đó, hình thành lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

Môn học/Course Name: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học/Course Code: POLI02020

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học vào nhận thức, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đi lên CNXH ở nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục cho sinh viên niềm tin khoa học, lập trường chính trị, tư tưởng và thái độ đúng đắn, khách quan về môn học CNXH khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.

Môn học/Course Name: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: POLI02030

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ 1975 đến nay).

Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với



Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học/Course Name: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học/Course Code: POLI02040

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp, nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam; nâng cao được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

Môn học/Course Name: **Kinh tế học đại cương**

Mã môn học/Course Code: ECON03320

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Phần đầu của học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về mô hình cung – cầu và cơ chế hoạt động của thị trường. Sinh viên được tìm hiểu cách thị trường xác lập mức giá và sản lượng cân bằng, cũng như phân tích tác động của các chính sách kiểm soát giá như trần giá và sàn giá. Bên cạnh đó, phần này cũng trình bày chi phí sản xuất, hành vi tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp trong hai dạng thị trường cơ bản: cạnh tranh hoàn toàn và độc quyền hoàn toàn.

Phần tiếp theo trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về kinh tế học vĩ mô. Sinh viên sẽ hiểu được ý nghĩa và cách đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng như GDP, GNI, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, và tỷ lệ lạm phát. Ngoài ra, sinh viên được học về cách hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ, cùng với vai trò của ngân hàng trung ương trong điều tiết cung tiền thông qua các công cụ như: lãi suất chiết khấu, dự trữ bắt buộc và nghiệp vụ thị trường mở.

Cuối cùng, sinh viên có khả năng phân biệt các khái niệm về mất giá – lên giá, nâng giá – phá giá của đồng tiền, và hiểu được cơ chế hình thành tỷ giá hối đoái. Bài học cũng giúp



giải thích cách chính phủ hoặc ngân hàng trung ương có thể can thiệp vào thị trường ngoại hối tùy theo từng chế độ tỷ giá như tỷ giá cố định, tỷ giá thả nổi có quản lý hoặc tỷ giá thả nổi hoàn toàn.

Môn học/Course Name: **Xã hội học đại cương**

Mã môn học/Course Code: SOCI03020

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp một số khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là môn học nền tảng để sinh viên có thể học các môn tiếp theo như Lịch sử XHH và các lý thuyết xã hội học hiện đại, Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội...

Cung cấp những khái niệm căn bản của xã hội học, giới thiệu một số chủ đề, lý thuyết, phương pháp cơ bản của xã hội học. Đồng thời sinh viên thực tập phân tích một số vấn đề xã hội bằng cách vận dụng các lý thuyết, khái niệm đã học.

Sau khi học xong môn này, sinh viên có hiểu biết ban đầu về các lỗi tiếp cận lý thuyết xã hội học và đặc điểm của lối nhìn xã hội học; về phương pháp xã hội học; hiểu biết về các yếu tố cấu thành xã hội và văn hóa; hiểu được các yếu tố cấu thành nhân cách; hiểu các loại hình tổ chức xã hội và định chế xã hội; hiểu sự phân tầng xã hội; hiểu biết về hiện tượng lệch lạc xã hội; biết được các loại hình hành vi tập thể và các phong trào xã hội và cuối cùng hiểu biết về biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa.

Môn học/Course Name: **Tâm lý học đại cương**

Mã môn học/Course Code: PSYC03010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tâm lý học đại cương là môn học nền tảng cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý cho sinh viên ngành Tâm lý học nói riêng và sinh viên các ngành khác nói chung. Môn này sẽ giúp sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm, đặc điểm và quy luật cơ bản của các hiện tượng tâm lý; cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Đây là môn học tiền đề trước khi sinh viên tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành.

Môn học/Course Name: **Đại cương văn hoá Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: SOAS03010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn văn hoá của dân tộc mình để từ đó nhận thức đúng những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Môn học/Course Name: **Tin học văn phòng nâng cao**

Mã môn học/Course Code: ADOI03010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng sử dụng bộ công cụ văn phòng Microsoft 365 ở cấp độ nâng cao để học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường số. Bên cạnh đó, môn học giới thiệu với người học các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm giúp người học tiếp tục phát triển năng lực số, cải thiện hiệu quả và hiệu suất trong xử lý công việc.

Môn học/Course Name: **Tư duy phản biện**

Mã môn học/Course Code: GLAW03010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tư duy phản biện được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên rèn luyện sự nhạy bén, linh hoạt trong việc phát hiện, nhận diện và kết luận vấn đề thông qua các hoạt động bao gồm thu thập luận cứ, nghiên cứu các quy định, phân tích lập luận, đánh giá các quy định so với tình huống cụ thể kèm các minh chứng, và đưa ra các phán đoán một cách đúng đắn, rõ ràng, khách quan, sáng tạo và hợp lý. Trên cơ sở này, sinh viên có thể nói, viết rõ ràng, đúng trọng tâm với tư duy mạch lạc, phân biệt đúng sai, tránh những sai lầm, thiếu sót, cải thiện chất lượng tư duy để ứng dụng trong cuộc sống, học tập, làm việc trong mọi ngành nghề và các lĩnh vực khác nhau. Trong suốt thời gian học tập, sinh viên sẽ vận dụng những khái niệm, nguyên lý, quy tắc, quy luật, tư duy logic và rèn luyện những kỹ năng tư duy phản biện để phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết, và ra quyết định những vấn đề của bản thân hoặc xã hội quan tâm.

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau:

- Những vấn đề chung về tư duy phản biện
- Tư duy logic - cơ sở và tiêu chuẩn của tư duy phản biện
- Những quy luật căn bản của tư duy



- Chứng minh - bác bỏ - ngụy biện
- Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện

Môn học này được thiết kế 45 giờ lý thuyết (3 tín chỉ), thông thường được bố trí vào năm học thứ nhất dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế, ngành Luật và các ngành học khác thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

Môn học/Course Name: **Thống kê xã hội**

Mã môn học/Course Code: SOCI03010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Thống kê xã hội là một khối kiến thức tối cần thiết cho sinh viên khối ngành khoa học xã hội nói chung. Trong loại hình nghiên cứu định lượng, người học bắt buộc phải có kiến thức thống kê để có thể phân tích được các dữ liệu có được thông qua các cuộc điều tra xã hội học. Cùng với môn Phương pháp trong nghiên cứu xã hội và các môn học lý thuyết thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các ngành khoa học xã hội (Xã hội học, Công tác xã hội, Đông Nam Á học) thì Thống kê xã hội cũng hợp thành khối kiến thức nền cho các ngành học này.

Môn học/Course Name: **Nguyên lý kế toán**

Mã môn học/Course Code: ACCO03010

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Nguyên lý kế toán cung cấp nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán. Môn học giúp sinh viên nhận biết được cấu trúc, nội dung và ý nghĩa của các báo cáo tài chính, từ đó hiểu rõ những thông tin mà các báo cáo này mang lại cho các đối tượng sử dụng khác nhau như nhà quản trị, nhà đầu tư, cơ quan quản lý hay các bên liên quan. Đồng thời, môn học giúp sinh viên nhận diện và hiểu được quy trình kế toán cũng như các đối tượng kế toán trong doanh nghiệp, bao gồm tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, người học được rèn luyện kỹ năng vận dụng các kỹ thuật kế toán nền tảng như nguyên tắc ghi sổ kép, lập báo cáo và xử lý các nghiệp vụ kinh tế cơ bản phát sinh trong môi trường doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học/Course Code: GEEN03060

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 1 là môn học thứ nhất của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 1 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe – Nói - Đọc - Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ nhất của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học/Course Code: GEEN03070

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 2 là môn học thứ hai của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 2 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe – Nói - Đọc - Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ hai của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học/Course Code: GEEN03080

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 3 là môn học thứ ba của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 3 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe – Nói - Đọc - Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ ba của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 4**

Mã môn học/Course Code: GEEN03090

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 4 là môn học thứ tư của 5 cấp độ tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 4 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe – Nói - Đọc - Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ tư của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 5**



Mã môn học/Course Code: GEEN03100

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh nâng cao 5 là môn học cuối dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh chưa đạt trình độ Tiếng Anh B1. Với môn Tiếng Anh Nâng cao 5 sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết, thu thập vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm để có thể hoàn thành môn học thứ năm của lộ trình đạt cấp độ B1 theo chuẩn ngoại ngữ Châu Âu CEFR.

Môn học/Course Name: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học/Course Code: GLAW03020

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Lý luận Nhà nước và pháp luật là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật học và ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ, với 45 giờ lý thuyết.

Môn học/Course Name: **Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý**

Mã môn học/Course Code: **GLAW03250**

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học gồm có 02 nội dung chính: Lịch sử Nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý:

1. Các học thuyết chính trị - pháp lý cung cấp các kiến thức cơ bản về một số học thuyết chính trị - pháp lý tiêu biểu trong lịch sử nhân loại.
2. Lịch sử Nhà nước và pháp luật cung cấp những kiến thức nền tảng, cơ bản về Nhà nước và pháp luật điển hình trên thế giới, Nhà nước và pháp luật Việt Nam.

Lịch sử Nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết (tổng số là 45 giờ).

Môn học/Course Name: **Nghề luật và đạo đức nghề luật**

Mã môn học/Course Code: GLAW02190

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức tổng quan về nghề luật, các chức danh hành nghề luật tại Việt Nam (những nghề cơ bản như: luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, công chứng viên, chấp hành viên và thừa phát lại). Thông qua việc phân tích vị trí pháp lý, chức năng xã hội và chuẩn mực đạo đức của từng nghề, môn học giúp sinh viên nhận diện được vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong việc bảo vệ công lý, quyền con người và niềm tin vào pháp luật.

Nghề luật và đạo đức nghề luật là môn học bắt buộc trong Chương trình đào tạo Cử nhân Luật/ Luật Kinh tế tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học có 02 tín chỉ, được thiết kế thành 6 chương.

Môn học/Course Name: **Lập luận và viết pháp lý**

Mã môn học/Course Code: GLAW03040

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lập luận và viết pháp lý cung cấp cho người học các kiến thức về lập luận và viết nhằm phát triển các kỹ năng của người học.

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau:

- Lập luận pháp lý
- Kỹ năng viết pháp lý

Môn học này được thiết kế 45 giờ lý thuyết (3 tín chỉ) dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế chương trình chuẩn và chương trình tiên tiến, ngành Luật.

Môn học/Course Name: **Luật Hiến pháp**

Mã môn học/Course Code: GLAW03050

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Hiến pháp là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật nói chung, bao gồm cả hai chuyên ngành (Luật Kinh tế và Luật học) tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Môn học gồm 2 phần (Phần 1- Khái quát chung về Luật Hiến pháp, Phần 2 giới thiệu Một số chế định của ngành luật Hiến pháp), trang bị kiến thức liên quan đến những nhóm quan hệ pháp luật cơ bản nhất được điều chỉnh bởi Luật Hiến pháp. Những nội dung chính: Ngành luật Hiến pháp và Khoa học luật Hiến pháp; Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam;



chế độ chính trị, kinh tế, chế độ bầu cử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam. Đặc biệt, môn học giới thiệu tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chính quyền địa phương, Hội đồng Bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật Hình sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW03100

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật hình sự (LHS) là ngành luật nội dung quy định về tội phạm và hình phạt, là cơ sở pháp lý cho việc xác định tội phạm và hình phạt và là công cụ quan trọng mà bất kỳ Nhà nước nào cũng phải sử dụng để đấu tranh phòng chống tội phạm.

Môn học trang bị cho người học kiến thức để xác định được một hành vi như thế nào là tội phạm và trách nhiệm hình sự đặt ra đối với những trường hợp vi phạm để từ đó biết điều chỉnh hành vi của mình cũng như góp phần vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Môn học Luật hình sự bao gồm 2 phần sau:

Phần chung của Luật hình sự là những quy định về khái niệm tội phạm và những vấn đề liên quan đến việc xác định tội phạm; khái niệm về hình phạt và những vấn đề liên quan đến xác định hình phạt. Các quy định của Phần Chung mang tính nguyên tắc ứng dụng chung cho việc giải quyết vụ án hình sự đối với tất cả các tội phạm, mang tính định hướng nguyên tắc xác định những vấn đề nội dung của vụ án.

Phần Các tội phạm trang bị cho sinh viên kiến thức về tội phạm cụ thể, gồm các bài học về các nhóm tội phạm như các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về chức vụ.

Luật hình sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành Luật và Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết với tổng số là 45 tiết.

Môn học/Course Name: **Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế**

Mã môn học/Course Code: GLAW03110

Số tín chỉ/Credits: 03



Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Quy định chung về luật dân sự, các quyền đối với tài sản và thừa kế giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định chung của luật dân sự như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, vị trí của luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành, nguồn của luật dân sự, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; các vấn đề liên quan đến tài sản, quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và thừa kế.

Môn học/Course Name: **Công pháp quốc tế**

Mã môn học/Course Code: GLAW03170

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Công pháp quốc tế (Luật quốc tế) là môn học thuộc khối kiến thức ngành bắt buộc được giảng dạy cho sinh viên ngành Luật tại trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh. Môn học này gồm có 3 tín chỉ (lý thuyết) với thời lượng 45 giờ thường được phân bổ để giảng dạy cho sinh viên năm 3. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật quốc tế để hiểu rõ các đặc trưng cơ bản của Luật quốc tế (khái niệm, thuật ngữ của Luật quốc tế, các chủ thể tham gia quan hệ pháp Luật quốc tế, những quan hệ quốc tế mà ngành luật này điều chỉnh...); các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; các loại nguồn của Luật quốc tế; những vấn đề cơ bản của quốc gia và các vấn đề dân cư, lãnh thổ, tranh chấp quốc tế; giải quyết tranh chấp quốc tế và pháp luật ASEAN.

Môn học này được thiết kế với các nội dung chính như sau: Lý luận chung về Luật quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; Nguồn của Luật quốc tế; Quốc gia trong Luật quốc tế; Dân cư trong Luật quốc tế; Lãnh thổ và biên giới quốc gia trong Luật quốc tế; Luật Ngoại giao và Lãnh sự; Pháp luật ASEAN.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về các loại hình thương nhân**

Mã môn học/Course Code: BULA03030

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Pháp luật về các loại hình thương nhân là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết, với tổng số tiết là 45.

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật về: thành lập, góp vốn, đăng ký kinh doanh, bản chất pháp lý, thành viên/chủ sở hữu, vấn đề tài chính và cơ cấu tổ

chức quản lý, tổ chức lại và giải thể của các loại hình thương nhân, bao gồm: Hộ kinh doanh; Doanh nghiệp tư nhân; Công ty hợp danh; Công ty trách nhiệm hữu hạn; Công ty cổ phần; Hợp tác xã.

Môn học/Course Name: **Lý luận và pháp luật về quyền con người**

Mã môn học/Course Code: GLAW02200

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lý luận và pháp luật về quyền con người là một trong những môn học cốt lõi ngành bắt buộc của sinh viên chuyên Ngành Luật kinh tế.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản nhất về quyền con người; Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về quyền con người; Các cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người cũng như kiến thức về một số nhóm quyền con người cụ thể như: nhóm quyền dân sự và chính trị; nhóm quyền con người về kinh tế xã hội và văn hoá; quyền con người của các nhóm dễ bị tổn thương.

Môn học/Course Name: **Luật Hành chính**

Mã môn học/Course Code: GLAW03070

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật hành chính là môn học cốt lõi ngành, cung cấp kiến thức với mục đích giúp sinh viên cách nhận diện, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý hành chính nhà nước, nội dung gồm: (1) Tổng quan về Luật hành chính; (2) Chủ thể của Luật hành chính; (3) Các hình thức và phương pháp quản lý hành chính; (4) Các biện pháp bảo đảm pháp chế.

Môn học/Course Name: **Luật Tố tụng hành chính**

Mã môn học/Course Code: GLAW02030

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật tố tụng hành chính cung cấp cho người học kiến thức lý luận, kiến thức pháp lý về quá trình giải quyết vụ án hành chính. Ngoài ra, môn học còn giúp người học rèn luyện kỹ năng áp dụng pháp luật tố tụng hành chính và hình thành ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân cũng như đạo đức nghề nghiệp. Nội dung môn học bao gồm: các khái niệm cơ bản của khoa học Luật tố tụng hành chính; nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hành chính; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá



nhân có liên quan; trình tự, thủ tục khởi kiện, giải quyết vụ án hành chính, thi hành án hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ tụng hành chính.

Môn học/Course Name: **Luật Ngân sách nhà nước**

Mã môn học/Course Code: GLAW02040

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Ngân sách nhà nước là môn học cung cấp kiến thức với mục đích giúp sinh viên cách nhận diện, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý ngân sách nhà nước, nội dung gồm: (1) Tổng quan về Luật Ngân sách nhà nước; (2) Chế độ pháp lý về quản lý ngân sách nhà nước; (3) Quy trình ngân sách nhà nước; (4) Quản lý và xử lý vi phạm ngân sách nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật Đất đai**

Mã môn học/Course Code: GLAW03080

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Đất đai được xác lập nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về Đất đai, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề chủ yếu sau:

- Những vấn đề lý luận chung về Luật Đất đai;
- Hoạt động quản lý nhà nước về đất đai;
- Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;
- Cơ chế bảo đảm thi hành các quy định của Luật Đất đai.

Môn học Luật Đất đai là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật và Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết, với tổng số giờ là 45 giờ.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo văn bản**

Mã môn học/Course Code: GLAW03090

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; kiến thức và kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng cùng với một số loại đơn thường gặp trong thực tiễn cuộc sống, công tác.

Kỹ năng Soạn thảo văn bản là môn học bắt buộc trong Chương trình đào tạo Cử nhân Luật tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 03 tín chỉ, bố trí thành 7 chương.

Môn học/Course Name: **Luật Tố tụng hình sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW02050 Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật Tố tụng hình sự (TTHS) cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Môn học có hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và các giai đoạn trong việc giải quyết vụ án hình sự. Cụ thể, môn Luật TTHS nghiên cứu các vấn đề về khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS; các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong TTHS; những quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Môn học/Course Name: **Tội phạm học**

Mã môn học/Course Code: GLAW02060

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Tội phạm học trang bị cho sinh viên những kiến thức về tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội, dự báo tình hình tội phạm để có phương pháp luận về đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, làm tiền đề lý luận để xây dựng chương trình, kế hoạch phòng chống tình hình tội phạm.

Môn học/Course Name: **Nghĩa vụ và hợp đồng**

Mã môn học/Course Code: GLAW03120

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Nghĩa vụ và hợp đồng là môn học thuộc khối kiến thức cốt lõi của ngành Luật và ngành Luật kinh tế. Môn Nghĩa vụ và hợp đồng được thiết kế gồm ba tín chỉ lý thuyết. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật cơ bản về: nghĩa vụ; hợp đồng; và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.



Sau khi học xong, người học có thể tự nghiên cứu luật; vận dụng những kiến thức pháp luật đã học để giải quyết các tình huống phát sinh thực tế trong đời sống. Đồng thời môn học này cũng gắn liền với thực tiễn, cho nên người học có thể sử dụng kiến thức đã học để học nâng cao và làm việc trong các doanh nghiệp, công ty luật, văn phòng luật và các cơ quan khác.

Môn học/Course Name: **Luật Tố tụng dân sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW03130

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật Tố tụng dân sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật và ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học hướng tới nghiên cứu các nội dung sau đây: Tổng quan về Luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền dân sự của Toà án; Chứng cứ và chứng minh;

Biện pháp khẩn cấp tạm thời; Án phí và lệ phí trong tố tụng dân sự; Thủ tục giải quyết vụ án dân sự; Thủ tục giải quyết việc dân sự.

Môn học/Course Name: **Luật Lao động**

Mã môn học/Course Code: GLAW03140

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật Lao động là môn học bắt buộc trong khối kiến thức thuộc thành phần cốt lõi ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học hướng tới nghiên cứu quan hệ pháp luật về lao động và các quan hệ liên quan trực tiếp khác. Môn học cung cấp các kiến thức lý luận về Luật Lao động, Hợp đồng lao động, Thỏa ước LĐTT, Tiền lương, Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, Kỷ luật lao động – Trách nhiệm vật chất, các loại bảo hiểm trong quan hệ lao động và an toàn lao động & VSLĐ, các nội dung liên quan đến tranh chấp lao động, giải quyết tranh chấp lao động và đình công.

Môn học/Course Name: **Luật Hôn nhân và gia đình**

Mã môn học/Course Code: GLAW02070

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật hôn nhân và gia đình được thiết kế gồm hai tín chỉ lý thuyết, là môn học bắt buộc thuộc khối thành phần cốt lõi của ngành Luật kinh tế. Môn học cung cấp các kiến thức tổng quát quy định pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, cụ thể như: (i) Quy định về kết hôn; (ii) Quan hệ giữa vợ và chồng; (iii) Quan hệ giữa cha,

mẹ và con; (iv) Nghĩa vụ cấp dưỡng của các thành viên trong gia đình; (v) Chấm dứt hôn nhân.

Sau khi học xong, người học có thể nắm được các kiến thức pháp luật hôn nhân và gia đình, áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hôn nhân và gia đình trong đời sống thực tiễn.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về hoạt động thương mại**

Mã môn học/Course Code: BULA03040

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Nội dung kiến thức pháp luật về hoạt động thương mại bao gồm: Khái niệm, đặc điểm của hoạt động thương mại và thương nhân; Hoạt động mua bán hàng hóa trong nước; Hoạt động sở giao dịch hàng hóa; Các hoạt động dịch vụ như logistics, giám định, quá cảnh, hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại và một số hoạt động thương mại khác; Chế tài trong thương mại.

Luật thương mại là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật kinh tế của trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học có 3 tín chỉ lý thuyết (45 giờ học).

Môn học/Course Name: **Phá sản và giải quyết tranh chấp**

Mã môn học/Course Code: BULA02010

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Phá sản và giải quyết tranh chấp là môn học thuộc nhóm kiến thức thành phần cốt lõi ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về cách thức giải quyết mang tính pháp lý đối với những hệ quả mang tính tất yếu phát sinh trong hoạt động thương mại của thương nhân. Đó là việc phá sản và tranh chấp trong hoạt động thương mại.

Nội dung của môn học Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp bao gồm 2 nhóm vấn đề sau:

- Trình bày các dấu hiệu pháp lý nhận diện phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã, đối tượng và phạm vi áp dụng luật phá sản, các chủ thể trong giải quyết phá sản và các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

- Xác định tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được áp dụng trong thực tiễn hiện nay. Trong đó tập trung trình bày các nội dung chi



tiết về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được luật định và có tính đặc thù trong lĩnh vực thương mại như: hòa giải thương mại và trọng tài thương mại.

Phá sản và giải quyết tranh chấp là môn học được thiết kế mang tính bắt buộc đối với sinh viên ngành luật kinh tế, có 2 tín chỉ lý thuyết

Môn học/Course Name: **Luật sở hữu trí tuệ**

Mã môn học/Course Code: BULA03050

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Sở hữu trí tuệ là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học cung cấp những kiến thức về những đối tượng được bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) (bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng), điều kiện cần đáp ứng để được bảo hộ, chủ thể được bảo hộ, nội dung bảo hộ, việc chuyển giao quyền và các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.

Môn học/Course Name: **Luật thuế**

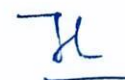
Mã môn học/Course Code: BULA03060

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật thuế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cốt lõi của ngành Luật kinh tế tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 3 tín chỉ lý thuyết.

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về thuế, biết và nhận diện đúng các khái niệm về đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm,...trong từng sắc thuế như Thuế xuất khẩu, nhập khẩu; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Lệ phí môn bài, phí và lệ phí. Ngoài ra, môn học này giúp sinh viên nhận biết những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế.

Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ biết vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị để áp dụng các quy định của pháp luật thuế một cách đúng luật, có thể thực hiện các công việc thực tế như: thanh tra thuế, cán bộ hải quan, cán bộ thuế, tư vấn về kê khai,



quản lý thuế, hoặc tự mình thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Môn học/Course Name: **Luật thương mại quốc tế**

Mã môn học/Course Code: BULA03070

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật thương mại quốc tế được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm rèn luyện cho sinh viên cách nhận diện, xử lý thông tin về các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế hiện đại ở cả phạm vi công và tư đối với các lĩnh vực: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ. Từ đó, sinh viên có thể phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề, chọn được luật áp dụng, ra quyết định một cách đúng đắn và hiệu quả với những tình huống học thuật hoặc thực tế phát sinh có liên quan trong hoạt động thương mại quốc tế. Trên cơ sở này, sinh viên có ý thức tôn trọng pháp luật quốc tế và có thái độ phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế.

Môn học này được thiết kế với 45 giờ lý thuyết (3 tín chỉ), thông thường được bố trí vào năm học thứ ba dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế, ngành Luật và các ngành học khác thuộc khối kiến thức ngành.

Môn học/Course Name: **Tư pháp quốc tế**

Mã môn học/Course Code: GLAW03180

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Tư pháp quốc tế là môn học thuộc kiến thức ngành của cả hai ngành luật kinh tế và luật học. Môn học cung cấp kiến thức liên quan đến việc giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ pháp luật dân sự, thương mại và tổ tụng dân sự có yếu tố nước ngoài, rèn luyện kỹ năng phân tích tình huống pháp lý trong thực tiễn và xác định nguồn luật áp dụng để giải quyết tình huống, hình thành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau:

- Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài
- Xung đột về thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự
- Xung đột pháp luật
- Công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài nước ngoài



- Những chế định của các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài

Môn học/Course Name: **Luật môi trường**

Mã môn học/Course Code: GLAW02090

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Môi trường được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên có các kiến thức nền tảng về pháp luật môi trường Việt Nam và những vấn đề cơ bản về pháp luật quốc tế về môi trường. Kiến thức trang bị làm cơ sở cho việc nghiên cứu, ứng dụng các quy định của pháp luật môi trường vào thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh.

Môn học bao gồm những nội dung cơ bản sau: Pháp luật về đánh giá môi trường; Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; Pháp luật về các nguồn tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa; Những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế về môi trường; những quyền lợi và trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Luật Môi trường là môn học tự chọn trong thành phần cốt lõi ngành của chuyên ngành Luật và Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 02 tín chỉ lý thuyết với tổng số là 30 giờ.

Môn học/Course Name: **Luật thi hành án dân sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW02130

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Luật thi hành án dân sự là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học hướng tới nghiên cứu các vấn đề chung của pháp luật về thủ tục thi hành án dân sự; biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự; phí và chi phí thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về giao dịch bảo đảm**

Mã môn học/Course Code: BULA02030

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Pháp luật về giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã quy định chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ (cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh,



đặt cọc, ký cược, ký quỹ, tín chấp, bảo lưu quyền sở hữu, cầm giữ tài sản); quy định về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm.

Môn học Pháp luật về giao dịch bảo đảm bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- (i) Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
- (ii) Các biện pháp bảo đảm đối vật
- (iii) Các biện pháp bảo đảm đối nhân
- (iv) Đăng ký biện pháp bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm

Pháp luật về giao dịch bảo đảm là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật và Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ, trong đó có 2 tín chỉ lý thuyết và 0 tín chỉ thực hành (với tổng số là 30 số giờ).

Môn học/Course Name: **Luật ngân hàng**

Mã môn học/Course Code: BULA02020

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Ngân hàng là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành. Những nội dung chính của môn học này bao gồm: (i) Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; (ii) địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; (iii) địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; (iv) pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; (v) pháp luật về tín dụng và ngân hàng; (vi) pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.

Môn học/Course Name: **Luật đầu tư**

Mã môn học/Course Code: BULA02040

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật đầu tư là môn học tự chọn thuộc kiến thức cốt lõi ngành với 2 tín chỉ. Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết và thực tiễn về đầu tư, nhà đầu tư, chính sách bảo đảm đầu tư, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư, thủ tục đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, các hình thức đầu tư, giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh, hoạt động đầu tư ra nước ngoài, đầu tư công và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Môn học/Course Name: **Luật cạnh tranh**

Mã môn học/Course Code: BULA02050

Số tín chỉ/Credits: 02

TL

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật cạnh tranh là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cốt lõi ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ lý thuyết, với nội dung bao gồm:

- Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh;
- Pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh;
- Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế;
- Pháp luật về kiểm soát hành vi cạnh tranh không lành mạnh;
- Pháp luật về tố tụng cạnh tranh, xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh và quản lý nhà nước về cạnh tranh.

Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bảo hiểm**

Mã môn học/Course Code: BULA02060

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động thương mại của các thương nhân, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động kinh doanh bảo hiểm ngày càng phát triển, góp phần chia sẻ những rủi ro của cá nhân, tổ chức trong giao lưu dân sự. Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm ra đời tạo khung pháp lý cho hoạt động thương mại đặc thù này, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, người mua bảo hiểm và của các chủ thể khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Học phần Pháp luật Kinh doanh Bảo hiểm sẽ cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về những nội dung:

(i) Những quy định chung pháp luật về kinh doanh bảo hiểm: chủ thể trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, điều kiện kinh doanh bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phương thức giải quyết tranh chấp trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm...;

(ii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm con người;

(iii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản;

(iv) Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự;

(v) Quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm là môn học tự chọn (không bắt buộc) trong khối kiến thức chuyên ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ lý thuyết (với tổng số là 30 số tiết).



Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bất động sản**

Mã môn học/Course Code: BULA02070

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật Kinh doanh bất động sản là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 02 tín chỉ lý thuyết, với 70 giờ tự học.

Môn học này cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về thị trường kinh doanh bất động sản nói chung và ở Việt Nam nói riêng; những quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản, quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bất động sản và một số nội dung khác liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về xuất nhập khẩu**

Mã môn học/Course Code: BULA02090

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Pháp luật xuất nhập khẩu được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm đào tạo sinh viên phương pháp tiếp cận nhằm nhận diện, xử lý thông tin về các quy định pháp luật trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Từ đó, sinh viên có thể phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề, và ra quyết định đúng đắn và hiệu quả với những tình huống nghiên cứu hoặc thực tế phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước và hành vi thương mại có yếu tố nước ngoài của thương nhân Việt Nam. Trên cơ sở này, sinh viên có thái độ tích cực với quá trình hội nhập quốc tế.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán**

Mã môn học/Course Code: BULA02080

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán là môn học tự chọn trong khối kiến thức cốt lõi ngành. Môn học này bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Những vấn đề cơ bản của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; (ii) Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào thị trường chứng khoán; (iii) Pháp luật về chào bán chứng khoán; (iv) Pháp luật về hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán và (v) Quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.



Môn học/Course Name: **Luật thương mại điện tử**

Mã môn học/Course Code: BULA02100

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Khái quát về pháp luật thương mại điện tử, hợp đồng thương mại điện tử, pháp luật điều chỉnh của website thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

Luật Thương mại điện tử là môn học trong khối kiến thức cốt lõi ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ lý thuyết (với tổng số là 30 giờ học).

Môn học/Course Name: **Luật học so sánh**

Mã môn học/Course Code: GLAW02210

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Luật học so sánh được giảng dạy trong chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên nhận biết được các hiện tượng pháp luật, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề, xây dựng cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới. Trên cơ sở này, sinh viên có thể đưa ra các dự báo pháp luật, định hướng và hoàn thiện hơn trong lập pháp; áp dụng xây dựng pháp luật quốc gia trong từng trường hợp, từng giai đoạn phát triển của xã hội; hoàn thiện pháp luật quốc gia trong các lĩnh vực pháp luật; nâng cao nhận thức xã hội trong việc tuân thủ pháp luật (trong quan hệ trong nước và trong quan hệ quốc tế).

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau: Tổng quan về Luật học so sánh; Các hệ thống pháp luật chủ yếu trên thế giới; Hệ thống pháp luật Dân luật (civil law); Hệ thống pháp luật Thông luật (Common law); Hệ thống pháp luật XHCN; Hệ thống pháp luật tôn giáo (hồi giáo).

Môn học này được thiết kế 30 giờ lý thuyết (2 tín chỉ), thông thường được bố trí vào năm học thứ tư dành cho ngành Luật tại trường Đại học Mở TPHCM.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo hợp đồng**

Mã môn học/Course Code: GLAW02160

Số tín chỉ/Credits: 02



Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng soạn thảo hợp đồng hướng dẫn việc soạn thảo và rà soát một hợp đồng dân sự hoặc thương mại thông dụng không có yếu tố nước ngoài như: cách đặt tên cho mỗi hợp đồng, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể, các điều khoản chủ yếu và các điều khoản khác cần có của hợp đồng đó, cách thức trình bày các điều khoản đó và một số kỹ năng cơ bản khi soạn thảo hợp đồng cụ thể đó.

Môn học/Course Name: **Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh**

Mã môn học/Course Code: BULA02110

Số tín chỉ/Credits: 02

Mô tả tóm tắt/Course description: Trong chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế (Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh), môn Thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh là một môn học tự chọn. Môn Thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh cung cấp cho người học những thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh nền tảng, phổ biến và quan trọng của 9 ngành luật trụ cột trong hệ thống Pháp luật Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cụ thể, người học sẽ lĩnh hội được các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh thuộc (i) Ngành luật Hiến pháp, (ii) Hành chính, (iii) Dân sự, Hôn nhân & gia đình, (iv) Hình sự, (v) Tổ tụng Hình sự, (vi) Thương mại, Cạnh tranh, (vii) Đất đai - Môi trường, (viii) Sở hữu trí tuệ và (ix) Luật Quốc tế.

Người học sẽ có cơ hội tiếp thu những thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh trong mỗi ngành luật dưới dạng 4 kỹ năng ngôn ngữ Nghe (listening), Nói (Speaking), Đọc (Reading) và Viết (Writing). Bên cạnh đó, nội hàm của mỗi thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh sẽ được trình bày và giải thích rõ ràng; những tình huống thực tế cho việc ứng dụng các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh này cũng sẽ được nêu ra để người học có thể lĩnh hội và sử dụng được các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh này một cách chính xác, sâu sắc và hiệu quả.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học có kiến thức vững vàng về các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh của các ngành luật trụ cột trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Người học hoàn toàn có khả năng sử dụng các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh phổ biến trong mỗi ngành luật một cách chính xác và tự tin trong soạn thảo hợp đồng và các môi trường pháp lý chuyên nghiệp. Người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu những kiến thức chuyên sâu hơn về thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh nói riêng và Tiếng Anh pháp lý nói chung. Ngoài ra, người học có khả năng tư duy hệ thống, phân biện, tổ chức thực hiện công việc trong lĩnh vực pháp lý Tiếng Anh.

TK

Môn học/Course Name: **Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA06010

Số tín chỉ/Credits: 06

Mô tả tóm tắt/Course description: Khóa luận tốt nghiệp là môn học tổ chức vào những học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu và cốt lõi về ngành và chuyên ngành. Việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nhằm mục đích giúp sinh viên phát triển ý tưởng nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu những vấn đề lý thuyết, quy định pháp luật và thực tiễn đặt ra đối với những vấn đề đó.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA03080

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế giúp sinh viên vận dụng kiến thức cốt lõi ngành Luật để phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Thông qua các bài tập tình huống và thực hành tư vấn, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lập luận, trình bày quan điểm, soạn thảo văn bản pháp lý và đưa ra giải pháp phù hợp. Môn học trang bị năng lực nhận diện, phát hiện và xử lý vấn đề pháp lý, đồng thời phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, sáng tạo và thích ứng với môi trường nghề luật. Bên cạnh đó, sinh viên còn được bồi dưỡng phẩm chất nghề nghiệp quan trọng như trung thực, liêm chính, cẩn trọng và đạo đức nghề luật. Môn học góp phần hình thành năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ chuẩn mực cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động pháp lý hiện nay.

Môn học/Course Name: **Phân tích án ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA03110

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Phân tích án ngành Luật Kinh tế cung cấp cho người học các kiến thức về các phán quyết của Tòa án, cụ thể thông qua môn học người học có thể hiểu cấu trúc một bản án, xác định được vấn đề và áp dụng phương pháp để phân tích bản án.

Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau: Khái quát chung; Nguyên tắc và phương pháp phân tích án

TC

Môn học này được thiết kế 45 giờ lý thuyết (3 tín chỉ) dành cho sinh viên ngành Luật Kinh tế chương trình chuẩn và chương trình tiên tiến, ngành Luật.

Môn học/Course Name: **Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA03120

Số tín chỉ/Credits: 03

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế là môn học bắt buộc được thiết kế gồm 3 tín chỉ thực hành, trong khối kiến thức thực tập/trải nghiệm của ngành Luật Kinh tế, áp dụng cho sinh viên học năm thứ ba trở đi. Sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản, kiến thức ngành, chuyên ngành. Giảng viên tư vấn lựa chọn cơ quan, đơn vị phù hợp theo định hướng nghề nghiệp của sinh viên để thực hành nghề nghiệp, tìm hiểu môi trường làm việc thực tiễn và ứng dụng các kiến thức đã học vào công việc thực tế tại cơ quan, đơn vị thực hành. Từ đó, giúp người học tiếp cận thực tiễn, thực hành một số kỹ năng trong công việc pháp lý bằng các kiến thức đã học.

Môn học/Course Name: **Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế**

Mã môn học/Course Code: BULA04010

Số tín chỉ/Credits: 04

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực tập tốt nghiệp là môn học tổ chức vào những học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức cơ sở ngành, cốt lõi ngành. Môn học giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để tiếp cận thực tiễn, nâng cao khả năng xử lý và thực hiện các công việc pháp lý trong đời sống xã hội. Việc thực hiện chuyên đề thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu, hệ thống kiến thức, tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tiễn của doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan khác.



V. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra

Học kỳ/ Semester	TT / Số	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật Kinh tế/PLOs										
				PLO. 1	PLO. 2	PLO. 3	PLO. 4	PLO. 5	PLO. 6	PLO. 7	PLO. 8	PLO. 9	PLO. 10	PLO. 11
1	1	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN03060								5		4	
	2	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN03070								5		4	
	3	Lý luận nhà nước và pháp luật	GLAW03020			5			4					5
	4	Môn tự chọn kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên: (1) Tư duy phản biện; (2) Thống kê xã hội	Tự chọn	3						4			3	
	5	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW03110			4				4			4	3
2	1	Tin học văn phòng nâng cao	ADOI03010	4								5	4	
	2	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN03080								5		4	
	3	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN03090								5		4	
	4	Luật Hiến pháp	GLAW03050			4			4					3
	5	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học	GLAW03250			4			3					3

72

Học kỳ/ Semester	TT / No	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật Kinh tế/PLOs										
				PLO. 1	PLO. 2	PLO. 3	PLO. 4	PLO. 5	PLO. 6	PLO. 7	PLO. 8	PLO. 9	PLO. 10	PLO. 11
		thuyết chính trị pháp lý												
3	1	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN03100								5		4	
	2	Luật Hành chính	GLAW03070				5		5				4	
	3	Lý luận và pháp luật về quyền con người	GLAW02200				4		4					4
	4	Luật hình sự	GLAW03100			4			4					4
	5	Pháp luật về các loại hình thương nhân	BULA03030			4			4				4	
4	1	Triết học Mác-Lênin	POLI03010		5					4			4	
	2	Luật Ngân sách nhà nước	GLAW02040			4			4				4	
	3	Luật Tố tụng hình sự	GLAW02050			4				4				4
	4	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW03120			5			5				5	
	5	Luật Hôn nhân và gia đình	GLAW02070			4			4				4	
5	1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	POLI02010		4					4			4	

Học kỳ/ Semester	TT / No .	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật Kinh tế/PLOs										
				PLO. 1	PLO. 2	PLO. 3	PLO. 4	PLO. 5	PLO. 6	PLO. 7	PLO. 8	PLO. 9	PLO. 10	PLO. 11
	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI02020		4					4			4	
	3	Luật Tổ tụng hành chính	GLAW02030				4			4			4	
	4	Pháp luật về hoạt động thương mại	BULA03040				5		5				5	
	5	Luật Sở hữu trí tuệ	BULA03050				4		4					4
6	1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI02030		4					4			4	
	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI02040		4					4			4	
	3	Luật Tổ tụng dân sự	GLAW03130				4			4				4
	4	Lập luận và viết pháp lý	GLAW03040			4				4				4
	5	Luật Đất đai	GLAW03080				4			4			4	
7	1	Luật Lao động	GLAW03140				4			4				4
	2	Phá sản và giải quyết tranh chấp	BULA02010				4			4			3	
	3	Công pháp quốc tế	GLAW03170			4			4					4
	4	Tội phạm học	GLAW02060				4			3				4

Học kỳ/ Semester	TT / No	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật Kinh tế/PLOs										
				PLO. 1	PLO. 2	PLO. 3	PLO. 4	PLO. 5	PLO. 6	PLO. 7	PLO. 8	PLO. 9	PLO. 10	PLO. 11
	5	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế	BULA03120							5		5	5	
8	1	Nghề luật và đạo đức nghề luật	GLAW02190			4			4					4
	2	Tư pháp quốc tế	GLAW03180				4			4			4	
	3	Luật Thuế	BULA03060				4			4				4
	4	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW03090				4		4				4	
	5	Môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành 1	Tự chọn					4		4			4	
9	1	Kinh tế học đại cương	ECON03320	5						4			4	
	2	Môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành 2	Tự chọn					4		4			4	
	3	Môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành 3	Tự chọn					4		4			4	
	4	Môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành 4	Tự chọn					4		4			4	
	5	Môn tự chọn kiến thức cốt lõi ngành (các môn kỹ năng)	Tự chọn					4		4			4	

Học kỳ/ Semester	TT / No	Môn học/ Course	Mã môn học/ Code	Chủ đề CDR CTĐT phân bổ cho môn học - ngành Luật Kinh tế/PLOs										
				PLO. 1	PLO. 2	PLO. 3	PLO. 4	PLO. 5	PLO. 6	PLO. 7	PLO. 8	PLO. 9	PLO. 10	PLO. 11
10	1	Luật Thương mại quốc tế	BULA03070				5			5			5	
	2	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA04010					5		5		5	5	5
11	1	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế	BULA06010					4	4	4			4	4
		1.1. Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật Kinh tế	BULA03080						4	4			4	4
		1.2. Phân tích án ngành Luật Kinh tế	BULA03110					4	4	4			4	
	2	Môn học tự chọn kiến thức kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn	Tự chọn	4						4			4	

* Ghi chú: Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra thể hiện mức độ đáp ứng của các chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1: Không đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

7